

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-8-2025
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Ông Trần Như Cường

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn L: Ông Nông Đức T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Sầm Thị S, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn K, xã P, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà nguyên đơn anh Hà Văn L trình bày: Tôi và chị Sầm Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 31 tháng 01 năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Sầm Thị S.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với chị Sầm Thị S nhưng chị S không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn L đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Sầm Thị S.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hà Văn L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Sầm Thị S.

Về con chung: Các cháu đã trưởng thành anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hà Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn L và chị Sầm Thị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 31 tháng 01 năm 1997 là hôn nhân hợp pháp. Anh L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Anh L và chị S đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh L xin ly hôn chị S là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn L tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả từ tháng 01/2019 cho đến nay. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh L được ly hôn chị S là có căn cứ.

[4] Về con chung: Các cháu đã trưởng thành anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Hà Văn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn L là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Sầm Thị S.
2. Về án phí: Anh Hà Văn L được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Hà Văn L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai thu số: AA/2024/0002205 ngày 16 tháng 4 năm 2025.
3. Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Sầm Thị S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- TGVPL
- UBND xã P
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng